

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

**CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG**

Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Việt Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty gồm:

Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty
Ông Phan Văn Thành	Phó Giám đốc công ty
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc công ty

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Minh  
Chủ tịch kiêm Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2017



CHUNG THỰC  
SÁC ĐÚNG VỚI BẢN CHẤM  
SỐ CHỦ. ST. MỤC: 1729 QUYENSỐ: 9  
TINT VIỆT TRUNG. Ngày 08-05-2017  
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
Đ. CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Lợi



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ  
CHI NHÁNH THANH HÓA**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi, P. Đông Hương, TP Thanh Hóa

Điện thoại: 0373.758.959 - Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn - Website: ifcvietnam.com.vn

Số: 52 /2017/BCKT-IFCTH

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**BẢN SAO**

Kính gửi: **Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Việt Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Việt Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Việt Trung chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Việt Trung tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



*[Handwritten signature of Nguyễn Văn Quân]*

**Nguyễn Văn Quân**  
Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2034-2014-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa  
Ngày 29 tháng 03 năm 2017

*[Handwritten signature of Lê Trọng Thanh]*

**Lê Trọng Thanh**  
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2373-2014-072-1



CHỨNG THỰC  
SÁP ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CHỦ SỔ THỰC: 1730 QUYENSỐ 01  
TTNT VIỆT TRUNG, Ngày: 08 -05- 2017  
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

*Hoàng Ngọc Lợi*



101 \ C \ T \ T \ N \ 177 \ 123 \ 003 \

CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢN SAO**

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.595.400.741</b>	<b>16.695.936.924</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>797.712.713</b>	<b>429.692.886</b>
1. Tiền	111		797.712.713	429.692.886
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.577.388.059</b>	<b>7.367.223.379</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.305.986.174	4.155.590.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.660.000	59.984.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	3.266.741.885	3.151.649.276
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.819.579.406</b>	<b>8.494.694.128</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	6.819.579.406	8.494.694.128
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>400.720.563</b>	<b>404.326.531</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.453.091	31.453.091
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	369.267.472	372.873.440
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>260.945.857.956</b>	<b>267.315.050.755</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>117.501.256.562</b>	<b>203.354.840.415</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	117.501.256.562	203.354.840.415
- Nguyên giá	222		236.185.129.313	328.920.504.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.683.872.751)	(125.565.663.712)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>60.781.712.987</b>	<b>62.054.866.346</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	60.781.712.987	62.054.866.346
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>81.840.000.000</b>	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.7	81.840.000.000	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>822.888.407</b>	<b>1.905.343.994</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		822.888.407	1.905.343.994
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>275.541.258.697</b>	<b>284.010.937.679</b>



CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>116.931.635.252</b>	<b>97.607.267.167</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>104.963.706.452</b>	<b>85.639.338.367</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	14.052.235.050	11.136.097.618
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.920.132.265	2.183.604.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	968.862.171	84.999.976
4. Phải trả người lao động	314		12.925.422.892	14.856.082.310
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	18.193.391.209	9.221.479.658
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	56.119.878.283	51.155.956.979
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.216.215.418)	(2.998.882.674)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.967.928.800</b>	<b>11.967.928.800</b>
I. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	11.967.928.800	11.967.928.800
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>158.609.623.445</b>	<b>186.403.720.512</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>157.929.623.445</b>	<b>185.723.720.512</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.654.861.386	141.560.668.836
- Vốn góp của chủ sở hữu	411c		126.654.861.386	141.560.668.836
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		73.494.841.455	73.494.841.455
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(42.220.079.396)	(29.331.789.779)
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		(29.331.789.779)	(1.333.155.161)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.888.289.617)	(27.998.634.618)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		680.000.000	680.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>275.541.258.697</b>	<b>284.010.987.679</b>



Nguyễn Văn Minh  
Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2017

*Handwritten signature of Nguyễn Hải Thanh*

Nguyễn Hải Thanh  
Kế toán trưởng

*Handwritten signature of Phan Hữu Bằng*

Phan Hữu Bằng  
Người lập



CHUNG THỰC  
SÁCH QUẢN LÝ VỚI BẢN CHẤM  
KẾ TOÁN TRƯỞNG  
SỐ CHỨNG THỰC: 1731 QUYENSỐ: 01  
TINH VIỆT TRUNG, Ngày: 08-05-2017  
KẾ CHUYỂN  
CHỦ TỊCH, BAN QUẢN LÝ  
HỒ CHỮ TỊCH

*Handwritten signature of Hoàng Ngọc Lai*

CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.271.892.926	44.911.035.322
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.525.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.263.367.926	44.911.035.322
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.855.812.658	60.560.170.829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(592.444.732)	(15.649.085.507)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.440.367	3.426.805
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.462.249.461	3.948.476.127
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.462.249.461	3.948.476.127
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	273.780.175	516.413.848
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.433.416.319	12.397.410.230
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.760.450.320)	(32.507.958.907)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.618.825.545	5.869.740.386
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.746.664.842	1.360.416.097
13. Lợi nhuận khác	40		2.872.160.703	4.509.324.289
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.888.289.617)	(27.998.634.618)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.888.289.617)	(27.998.634.618)



Nguyễn Văn Minh  
Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2017

*Wah*

*Phan Hữu Bằng*

Nguyễn Hải Thanh  
Kế toán trưởng

PHAN HỮU BẰNG  
Người lập





CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	38.247.397.909	44.781.717.339
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.881.434.817)	(14.666.521.124)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(18.985.582.378)	(29.828.299.173)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(4.462.249.461)	(4.564.186.754)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.674.507.986	22.323.923.228
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.738.992.181)	(21.363.486.936)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.853.647.058</b>	<b>(3.316.853.420)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.249.751.996)	(605.078.856)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.249.751.996)</b>	<b>(605.078.856)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	56.610.081.744	60.954.928.800
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(56.845.956.979)	(57.151.039.208)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(235.875.235)</b>	<b>3.803.889.592</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>368.019.827</b>	<b>(118.042.684)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	429.692.886	547.735.570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>797.712.713</b>	<b>429.692.886</b>



Nguyễn Văn Minh  
Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2017

*Wah*  
**CHỨNG THỰC**  
**SÁC ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
*Phanee*

Nguyễn Hải Thanh  
Kế toán trưởng  
Số Chủ tịch: 1783 QUYÊN SỞ  
T. N. VIỆT TRUNG, Ngày 08-05-2017  
Phan Hữu Bằng  
Người lập



**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG**  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Việt Trung được thành lập theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển đổi Công ty Cao Su Việt Trung thành Công ty TNHH MTV Việt Trung.

Công ty TNHH MTV Việt Trung được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 ngày 02 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 30 tháng 09 năm 2015.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su; Sản xuất cây giống cao su, cây lâm nghiệp, cây hồ tiêu;

Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm từ nguyên liệu rừng trồng; Sản xuất gạch tuynel; Sản xuất phân bón phục vụ ngành cao su;

Kinh doanh khách sạn, du lịch;

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty dưới 12 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể (ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết).

**Các khoản phải thu ngắn hạn**

Bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo (sau khi trừ đi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi), như: Phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay và phải thu ngắn hạn khác.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc  
Máy móc thiết bị

Số năm  
05 - 50  
03 - 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và và một số loại chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản doanh nghiệp đi vay, còn nợ các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác, gồm: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ( có kỳ hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo); Vay và nợ thuê tài chính dài hạn ( có kỳ hạn thanh toán còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo).

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó ( được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	142.005.291	50.719.240
Tiền gửi ngân hàng	655.707.422	378.973.646
<b>Cộng</b>	<b>797.712.713</b>	<b>429.692.886</b>

**2. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Gỗ Khang My	353.646.260	210.401.290
Công ty TNHH Hoàng Lâm	277.290.662	157.551.226
Công ty TNHH TM & ĐT HF	469.423.000	308.686.000
Tổng Công ty ĐT và XDTM Anh Phát	-	2.443.794.300
Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Quảng Bình	839.136.000	-
Công ty FOCOCEV Quảng Bình	414.472.880	53.114.240
Các khoản phải thu khách hàng khác	952.017.372	982.043.047
<b>Cộng</b>	<b>3.305.986.174</b>	<b>4.155.590.103</b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tạm ứng	170.384.981	117.232.288
- Phải thu khác	3.096.356.904	3.034.416.988
<b>Cộng</b>	<b>3.266.741.885</b>	<b>3.151.649.276</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.013.277.468	-	2.221.533.604	-
Công cụ, dụng cụ	249.267.141	-	199.517.123	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.056.731.088	-	4.453.130.435	-
Thành phẩm	456.874.523	-	1.492.375.141	-
Hàng hoá	43.429.186	-	128.137.825	-

TŨY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
 NT Việt Trung, huyện Bó Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2016

**MẪU SỐ B 09a-DN**

TŨY TNHH MTV VIỆT TRUNG (TIẾP THEO)  
 ết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**HÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tài sản cố định hữu hình

Ngày	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị đựng cụ quản lý		Cây lâu năm sức vật làm việc và cho SP		Tài sản khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
31/01/2016	184.849.280.792	16.902.496.964	8.191.824.918	1.834.045.267	116.179.289.940	963.566.246	328.920.504.127	9.460.347.913	9.460.347.913				
ĐCB hoàn thành c (**)	(28.860.619.727)			(73.335.103.000)									
<b>31/12/2016</b>	<b>155.988.661.065</b>	<b>16.902.496.964</b>	<b>8.191.824.918</b>	<b>1.834.045.267</b>	<b>52.304.534.853</b>	<b>963.566.246</b>	<b>236.185.129.313</b>						
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>													
31/01/2016	86.038.395.247	11.869.923.952	5.784.638.341	1.152.923.115	20.288.425.567	431.357.490	125.565.663.712	2.231.374.680	1.103.464.390	734.519.856	56.224.814	4.515.550.566	
trong kỳ > (**)	(11.397.341.527)		295.382.718	94.584.108									
<b>31/12/2016</b>	<b>76.872.428.400</b>	<b>12.973.388.342</b>	<b>6.080.021.059</b>	<b>1.247.507.223</b>	<b>21.022.945.423</b>	<b>487.582.304</b>	<b>118.683.872.751</b>						
<b>CÒN LẠI</b>													
31/01/2016	98.810.885.545	5.032.573.012	2.407.186.577	681.122.152	95.890.864.373	532.208.756	203.354.840.415	79.116.232.665	3.929.108.622	31.281.589.430	475.983.942	117.501.256.562	
31/12/2016				586.538.044									

lo:  
 tài sản phục vụ công ích theo quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình V/v: Điều chuyển hệ thống nhà trẻ, đường  
 ng ty TNHH MTV Việt Trung để bàn giao địa phương quản lý, trong đó:  
 hà trẻ bàn giao UBND TT Nông trường Việt Trung quản lý; nguyên giá: 690.548.623  
 ; đường giao thông bàn giao cho UBND huyện Bó Trạch quản lý; nguyên giá: 25.214.071.104

ết minh từ trang 9 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

TY TNHH MTV VIỆT TRUNG

NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

**C MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*ết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

o tài sản để góp vốn với Công ty TNHH Chân nuôi Hòa Phát Quảng Bình với tổng nguyên giá tài sản bàn giao: 76.291.103.000, trong đó:  
a, vật kiến trúc: 2.956.000.000  
i năm: 73.335.103.000

1 do bàn giao tài sản phục vụ công ích.

**CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG**  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Cao su trồng năm 2008	-	9.460.347.913
Cao su trồng năm 2009	8.230.869.947	7.411.069.108
Cao su trồng năm 2010	9.166.687.551	7.994.717.396
Cao su trồng năm 2011	2.598.948.363	7.232.611.616
Cao su trồng năm 2012	5.238.654.484	5.096.729.498
Cao su trồng năm 2013	2.341.701.815	3.075.961.934
Cao su trồng năm 2014	18.084.915.310	14.500.236.735
Cao su trồng năm 2015	9.801.223.428	7.283.192.146
Cao su trồng năm 2016	5.318.712.089	-
<b>Cộng</b>	<b>60.781.712.987</b>	<b>62.054.866.346</b>



**T MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

ét minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

**HÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

ầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
ông ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình (*)	27,28%	81.840.000.000	-	-
<b>ộng</b>		<b>81.840.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

); Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng  
ình V/v: Phê duyệt giá trị thực tế tài sản trên đất của Công ty TNHH MTV Việt Trung để góp vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình  
hải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
ông ty TNHH TMDV & SX Hiệp Nghĩa	1.210.880.868	1.210.880.868	1.250.239.884	1.250.239.884
rung tâm Nghiên cứu Phát triển Cao su tiêu điện	2.069.225.900	2.069.225.900	501.260.900	501.260.900
ông ty Cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	3.620.172.200	3.620.172.200	2.302.504.700	2.302.504.700
ông ty TNHH XDTH Đại Thành An	821.414.000	821.414.000	-	-
ông ty TNHH MTV Quê Lâm Miền Trung	840.753.000	840.753.000	840.753.000	840.753.000
hi nhánh Công ty CP Sông Gianh - XN phân bón Sông Gianh	2.901.140.800	2.901.140.800	2.690.363.300	2.690.363.300
ải trả các đối tượng khác	2.588.648.282	2.588.648.282	3.550.975.834	3.550.975.834
<b>ộng</b>	<b>14.052.235.050</b>	<b>14.052.235.050</b>	<b>11.136.097.618</b>	<b>11.136.097.618</b>

t minh từ trang 9 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

Y TNHH MTV VIỆT TRUNG  
NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*ít minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**HỒNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

huế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu				
huế thu nhập doanh nghiệp	247.472.807	-	-	247.472.807
huế thu nhập cá nhân	121.794.665	83.644	2.497.626	119.380.683
huế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	24.707.411	18.687.461	6.019.950
ộng	<u>369.267.472</u>	<u>24.791.055</u>	<u>21.185.087</u>	<u>372.873.440</u>
Các khoản phải trả				
huế GTGT gia tăng	243.714.015	2.639.900.973	2.442.591.367	46.404.409
huế nhà đất, tiền thuê đất	725.148.156	1.203.581.259	517.028.670	38.595.567
ác loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
ộng	<u>968.862.171</u>	<u>3.848.482.232</u>	<u>2.964.620.037</u>	<u>84.999.976</u>

CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	2.101.836.689	1.718.136.119
Bảo hiểm xã hội	10.347.129.962	3.883.766.026
Bảo hiểm y tế	228.539.471	551.143.017
Bảo hiểm thất nghiệp	100.867.621	275.851.717
Phải trả về cổ phần hóa	677.621.046	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.737.396.420	2.792.582.779
<b>Cộng</b>	<b>18.193.391.209</b>	<b>9.221.479.658</b>

Y TNHH MTV VIỆT TRUNG  
 NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2016  
**MẪU SỐ B09a-DN**

**C/MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

ít minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**HÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

ay và nợ thuê tài chính

(Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	56.119.878.283	56.119.878.283	61.909.878.283	56.945.956.979	51.155.956.979	51.155.956.979
NH Công thương Quảng Bình (1)	5.010.937.345	5.010.937.345	9.010.937.345	7.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng ĐT&PT Quảng Bình (2)	44.450.000.000	44.450.000.000	47.860.000.000	47.865.956.979	44.455.956.979	44.455.956.979
Ngân hàng Liên Việt Quảng Bình	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay cá nhân (3)	6.658.940.938	6.658.940.938	5.038.940.938	1.080.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
<b>ổng</b>	<b>56.119.878.283</b>	<b>56.119.878.283</b>	<b>61.909.878.283</b>	<b>56.945.956.979</b>	<b>51.155.956.979</b>	<b>51.155.956.979</b>

) Giấy nhận nợ ngày 21/9/2016 của HĐTD số 2826/2016-HĐTDHM/NHCT470-VIETTRUNG/HĐTD ngày 14/9/2016, số tiền: 1.010.937.345, ngày trả nợ: 21/3/2017, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Các giấy nhận nợ ngày 28/7/2016, 1/8/2016, 2/8/2016, 5/8/2016 của HĐTD số 264/2016-HĐTDHM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 28/01/2016 với tổng số tiền: 4.000.000.000, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

) 3 giấy nhận nợ ngày 14/3/2016, 15/3/2016, 25/4/2016 của HĐTD hạn mức số 01/2015/525383/HĐTD ngày 20/4/2015 với tổng số tiền: 2.240.000.000, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

43 giấy nhận nợ của HĐTD hạn mức số 01/2016/525381/HĐTD ngày 3/6/2016 với tổng số tiền: 42.210.000.000, thời gian giải ngân từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2016, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

t minh từ trang 9 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016  
**MẪU SỐ B09a-DN**

T MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- 3) Vay Công ty TNHH TM Ngân Hoàng: 1.300.000.000 (hợp đồng vay số 06/HĐVT/2016 ngày 23/12/2016, ngày trả nợ 23/3/2017, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động)  
Vay Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Đức Thịnh: 2.492.599.600 (hợp đồng vay số 65/HĐVT/2016 ngày 01/09/2016, ngày trả nợ 01/09/2017, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động)  
Vay cán bộ công nhân viên qua lương năm 2016: 2.546.341.338 (các hợp đồng vay ngày 1/9/2016, ngày trả nợ 31/8/2017)  
Vay bà Nguyễn Thị Bích Vinh: 320.000.000

/ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NH Công thương Quảng Bình (4)	11.967.928.800	11.967.928.800	-	-	11.967.928.800	11.967.928.800
<b>ộng</b>	<b>11.967.928.800</b>	<b>11.967.928.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.967.928.800</b>	<b>11.967.928.800</b>

) 8 giấy nhận nợ của HĐTD số 338/2015-HĐTDDA/NHCT470-NT VIỆTTRUNG ngày 13/02/2015, ngày trả nợ 13/2/2022, mục đích vay: chăm sóc cao su trong thời kỳ kết thiết cơ bản.

**T MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

ết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**HÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng 12 tháng tới	56.119.878.283	51.155.956.979
Trên 5 năm tới	11.967.928.800	11.967.928.800
<b>Cộng</b>	<b>68.087.807.083</b>	<b>63.123.885.779</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	56.119.878.283	51.155.956.979
<b>số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>11.967.928.800</b>	<b>11.967.928.800</b>

ố vốn chủ sở hữu

ăng biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND
ố dư tại ngày 01/01/2016	141.560.668.836	73.494.841.455	(29.331.789.779)	185.723.720.512
ợi nhuận tăng trong năm	-	-	(12.888.289.617)	(12.888.289.617)
hiêm khác (*)	(14.905.807.450)	-	-	(14.905.807.450)
<b>ố dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>126.654.861.386</b>	<b>73.494.841.455</b>	<b>(42.220.079.396)</b>	<b>157.929.623.445</b>

) Giám khác là do bàn giao tài sản cố định phục vụ công ích cho chính quyền địa phương, phần giảm vốn góp của chủ sở hữu bằng giá trị còn lại của tài sản đem n giao công với giá trị còn phải phân bổ của chi phí sửa chữa các tài sản này (chi phí trả trước dài hạn).

ết minh từ trang 9 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	30.380.108.379	39.179.691.685
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.891.784.547	5.731.393.637
<b>Cộng</b>	<b>32.271.892.926</b>	<b>44.911.085.322</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	8.525.000	-
- Hàng bán bị trả lại	8.525.000	-

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	30.091.630.248	55.911.873.400
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.764.182.410	4.648.297.429
<b>Cộng</b>	<b>32.855.812.658</b>	<b>60.560.170.829</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.440.367	3.426.805
<b>Cộng</b>	<b>1.440.367</b>	<b>3.426.805</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.462.249.461	3.948.476.127
<b>Cộng</b>	<b>4.462.249.461</b>	<b>3.948.476.127</b>

CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.020.175	329.357.486
Chi phí bằng tiền khác	112.760.000	187.056.362
<b>Cộng:</b>	<b>273.780.175</b>	<b>516.413.848</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.111.351.798	5.177.738.905
Chi phí vật liệu quản lý	1.783.826	14.573.833
Chi phí đồ dùng văn phòng	194.238.138	169.078.504
Chi phí khấu hao TSCĐ	666.476.234	829.444.910
Thuế, phí và lệ phí	1.369.740.670	1.198.490.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.729.459	237.017.327
Chi phí bằng tiền khác	3.068.096.194	4.771.066.084
<b>Cộng</b>	<b>10.433.416.319</b>	<b>12.397.410.230</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ trồng xen sắn + khoản khác	5.618.825.545	5.869.740.386
<b>Cộng</b>	<b>5.618.825.545</b>	<b>5.869.740.386</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí trồng xen sắn và các khoản khác	2.746.664.842	1.360.416.097
<b>Cộng</b>	<b>2.746.664.842</b>	<b>1.360.416.097</b>



CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.036.993.995	16.187.218.504
Chi phí nhân công	18.677.355.198	29.750.027.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.566.965.701	3.637.757.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.801.180.333	5.442.266.579
Chi phí khác bằng tiền	785.181.055	9.051.056.026
<b>Cộng</b>	<b>30.867.676.282</b>	<b>64.068.326.107</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế tại Thanh Hóa.

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2015 đã được điều chỉnh lại theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước KV 2 và Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2015 được lập bởi Công ty CP Tư vấn - Dịch vụ về tài sản Bất động sản DATC. Cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

*Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2016:*

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu của kiểm toán IFC	Số liệu Kiểm toán Nhà nước	Số liệu theo Báo cáo xác định giá trị DN
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>16.905.605.208</b>	<b>16.905.605.208</b>	<b>16.695.936.924</b>
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>8.735.815.503</i>	<i>8.735.815.503</i>	<i>8.494.694.128</i>
1. Hàng tồn kho	141	8.735.815.503	8.735.815.503	8.494.694.128
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>372.873.440</i>	<i>372.873.440</i>	<i>404.326.531</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-	31.453.091
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>191.068.130.563</b>	<b>194.257.659.346</b>	<b>267.315.050.755</b>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	<i>96.415.862.836</i>	<i>96.415.862.836</i>	<i>203.354.840.415</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	96.415.862.836	96.415.862.836	203.354.840.415
- Nguyên giá	222	214.706.368.859	214.706.368.859	328.920.504.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(118.290.506.023)	(118.290.506.023)	(125.565.663.712)
<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>	<i>92.746.923.733</i>	<i>95.936.452.516</i>	<i>62.054.866.346</i>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	92.746.923.733	95.936.452.516	62.054.866.346
<b>Tổng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>207.973.735.771</b>	<b>211.163.264.554</b>	<b>284.010.987.679</b>
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>110.366.468.604</b>	<b>113.555.997.387</b>	<b>186.403.720.512</b>
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>110.366.468.604</i>	<i>112.875.997.387</i>	<i>185.723.720.512</i>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	142.197.371.055	142.207.787.166	141.560.668.836
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-	73.494.841.455
Quỹ đầu tư phát triển	418	690.416.111	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(32.521.318.562)	(29.331.789.779)	(29.331.789.779)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(31.188.163.401)	(27.998.634.618)	(27.998.634.618)
<i>Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<i>430</i>	<i>-</i>	<i>680.000.000</i>	<i>680.000.000</i>
1. Nguồn kinh phí	431	-	680.000.000	680.000.000
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>207.973.735.771</b>	<b>211.163.264.554</b>	<b>284.010.987.679</b>

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015*

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu của kiểm toán IFC	Số liệu Kiểm toán Nhà nước	Số liệu theo Báo cáo xác định giá trị DN
Chi phí tài chính	22	4.564.186.754	3.948.476.127	3.948.476.127
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.971.228.386	12.397.410.230	12.397.410.230
LN thuần từ hoạt động KD	30	(35.697.487.690)	(32.507.958.907)	(32.507.958.907)
Tổng lợi nhuận trước thuế	50	(31.188.163.401)	(27.998.634.618)	(27.998.634.618)
Lợi nhuận sau thuế	60	(31.188.163.401)	(27.998.634.618)	(27.998.634.618)

CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG  
Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Công ty đang trong giai đoạn cổ phần hóa, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31/12/2015. Đến ngày 27/02/2017 đã có Quyết định số 571/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình công bố giá trị doanh nghiệp, theo đó giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa là 284.010.987.679 đồng. Do đó, công ty đã thực hiện điều chỉnh sổ sách tại ngày 01/01/2016 theo Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp.

Ngoài sự kiện nêu trên thì không có sự kiện phát sinh nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Minh  
Giám đốc  
Ngày 28 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Hải Thanh  
Kế toán trưởng

Phan Hữu Bằng  
Người lập

CHUNG THỰC  
SÁC DÙNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỐ CHỦ SỔ ĐC: 1734 QUYENSỐ: 01  
TNT VIỆT TRUNG, Ngày: 08-05-2017  
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Hàng Ngọc Lợi